

Từ Gia Định kinh đến Sài Gòn

Từ khi dựng nước, người Việt Nam phải đương đầu với đế quốc Trung Hoa lúc nào cũng lăm le xâm chiếm nước ta. Sau khi thoát ra khỏi ách đô hộ gần một ngàn năm của Tàu, nước Đại Việt bước vào thời kỳ độc lập tự chủ, trải qua các triều đại Lý -Trần, kinh tế, văn hóa, xã hội không ngừng phát triển, từ đó Đại Việt trở thành cường thịnh.

Quốc gia có tổ chức, dân số gia tăng, quân đội hùng mạnh, kinh tế phát triển thì đồng bằng Bắc Bộ không còn đủ sức cung cấp cho một dân tộc sống chủ yếu về nông nghiệp.

Làng xã miền Bắc trở nên chật hẹp, ruộng đất canh tác ngày càng không đáp ứng được nhu cầu đất đai, chỗ ở, lương thực, vì vậy việc mở mang bờ cõi là điều kiện sinh tồn của dân Việt. Không thể tiến về phương Bắc vì tiếp giáp với Trung Hoa, phía tây có núi Trường Sơn ngăn chận, phía đông là biển, chỉ còn có lối thoát là nam tiến.

Công cuộc tiến về phía nam thì đã bắt đầu từ thuở xa xưa với những việc hôn nhân hay chiến tranh với Chiêm thành là nước láng giềng ở phía nam Đại Việt. Đời Lý Thánh Tông thì lãnh thổ Đại Việt bao gồm đến Quảng Bình, Quảng Trị (1069) với sự sát nhập ba châu Bố Chính, Địa Lý (Quảng Bình) và Ma Linh của Chiêm Thành.

Thời nhà Lê trung hưng, Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa sau đây Hoàng Sơn (phía nam tỉnh Hà Tĩnh, phía bắc tỉnh Quảng Bình.), từ đó có cuộc phân tranh giữa đảng trong do các chúa Nguyễn cai trị và đảng ngoài thuộc quyền chúa Trịnh. Các chúa Nguyễn tiếp tục chương trình nam tiến, năm 1698 đến Biên Hòa và Gia Định (Sài Gòn).

Thời xa xưa, Gia Định là đất thuộc nước Phù Nam, sau đó thuộc Chân Lạp (Cao miên).

Vùng đất này phì nhiêu không được người Cao miên khai phá, khẩn hoang nhưng có nhiều tiềm lực. Về sự trù phú, phì nhiêu của xứ Đàng Trong, *Phủ Biên Tạp Lục* viết: “...Những sản vật quý phần nhiều xuất từ miền Nam...Xứ Quảng (kể cả Gia Định) là đất phì nhiêu nhất thiên hạ...Ở phủ Thăng Hoa, phủ Điện Bàn đồng ruộng rộng rãi, lúa tốt...Ba phủ Quy Nhơn, Quảng Nghĩa, Gia Định lúa gạo phần nhiều không kể xiết...ở Gia Định giá lúa rẻ chưa nơi nào như thế. Gạo nếp, gạo tẻ đều trắng trẻo, tôm cá rất to, ăn không hết...[1]

Từ thời kỳ chúa Nguyễn, lãnh thổ nước Đại Việt đã tăng lên, vì những lý do kinh tế, quân sự, chính trị., các chúa Nguyễn chờ đợi cơ hội mở mang về phía nam. Những vùng lãnh thổ mới ở Nam bộ, nổi tiếng là vựa lúa của cả nước.

Nước Cao Miên suy yếu, thường có nội loạn cho nên các nước láng giềng là Đại Việt và Xiêm La (Thái Lan) đều có ý xâm chiếm. Nước Xiêm La trở nên hùng mạnh và muốn thôn tính vùng Mã Lai, Lào và Chân Lạp và là đối thủ của Đại Việt.

Sau cuộc hôn nhân giữa công nữ Ngọc Vạn với vua Chân Lạp Chey Chetta II từ năm 1620, vua Cao Miên mới cho phép người Việt di dân vào Nam Bộ. Người Việt bắt đầu định cư ở vùng Sài Gòn, Đồng Nai. Trước đó, người Chăm, người Miên cũng sinh sống rải rác ở đây từ xa xưa. Năm 1623, chúa Nguyễn sai một phái bộ tới yêu cầu vua Chey Chetta II cho lập đồn thu thuế tại Prei Nokor (Sài Gòn) và Kas Krobei (Bến Nghé). Tuy đây là vùng rừng rậm hoang sơ nhưng lại nằm trên đường giao

thông của các thương nhân Việt Nam qua Campuchia và Xiêm. Hai sự kiện quan trọng tiếp theo của thời kỳ này là lập doanh trại và dinh thự của Phó vương Nặc Nộn và lập đồn dinh ở Tân Mỹ (gần ngã tư Cống Quỳnh -Nguyễn Trãi ngày nay).

Gia Định thành thông chí chép:

"Năm Mậu tuất (1658)...vua (chúa Nguyễn Phúc Tần) sai Phó tướng Yến Vũ hầu (Nguyễn Phước Yến)...đem 2000 quân, đi tuần đến thành Mỗi Xoài nước Cao Miên, đánh phá được, bắt vua nước ấy là Nặc Ông Chân, đóng gông đem đến hành tại ở dinh Quảng Bình. Vua dụ tha tội...Khi ấy địa đầu trấn Gia Định là hai xứ Mỗi Xoài, Đồng Nai đã có dân lưu tán của nước ta cùng ở lẫn với người Cao Mên, để khai khẩn đất".[2]

Năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu đã sai Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý miền Nam. Để chấm dứt tình trạng lưu dân tự khẩn hoang lập ấp đó, Nguyễn Hữu Cảnh bèn lập phủ Gia Định để coi hai huyện: Phước Long (Biên Hòa) và Tân Bình (Sài Gòn). Diện tích rộng khoảng 30.000 km². Các nơi đều đặt quan lưu giữ. Mở đất ngàn dặm, được trên 4 vạn hộ. Chiêu mộ dân xiêu tán từ Bồ Chánh trở vào Nam cho đến ở, thành lập xã thôn, khai khẩn ruộng đồng, làm sổ đình, sổ điền. Lại lấy những lái buôn người Hoa sống ở Trấn Biên lập nên xã Thanh Hà, những người ở Phiên Trấn lập nên xã Minh Hương. Trịnh Hoài Đức ghi lại như sau: *"Lấy đất Nông Nại đặt làm phủ Gia Định, lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên; lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn. Mỗi dinh đặt chức lưu thủ, cai bộ và ký lục để cai trị".[2]*

Nguyễn Hữu Cảnh đã chính thức thành lập chủ quyền Đại Việt trên vùng đất mới. Tên gọi Gia Định lúc đầu chỉ mới là một phủ bao gồm cả Sài Gòn. Phủ lý Gia Định được đặt tại thôn Tân Khai (khu vực đường Hàm Nghi, Nguyễn Trung Trực) còn gọi là Bến Nghé. Bến Nghé đương thời ở cạnh bờ sông là nơi trên bến dưới thuyền tấp nập, vô số thuyền bè lớn nhỏ chuyên chở theo đường sông rạch hay cận duyên mang hàng hóa nội địa đến buôn bán, tạo thành giang cảng rất lớn. Tên Gia Định có ý chỉ vùng đất đã được sắp xếp an ổn, vững vàng.

Những xóm làng đầu tiên của Sài Gòn là xóm Hòa Mỹ (tức xóm Thủy Trại, đường Tôn Đức Thắng), Tân Khai (cầu Mống), Long Điền, xóm Than, Bàu Sen (Cây Mai), Lò Bún, Cây Cui, Rẫy Cái, Ụ Ghe... với khoảng hơn 10.000 dân và là thủ phủ của dinh Phiên Trấn.

Ở đàng trong, đến năm 1772, Chúa Nguyễn đóng đô ở Huế phải đương đầu với quân Trịnh và quân Tây Sơn.

Năm 1774, Chúa Trịnh Sâm sai tướng Hoàng Ngũ Phúc đánh lấy được Phú Xuân, chúa Nguyễn và các quan chạy vào Quảng Nam. Quân Tây Sơn ở Quy Nhơn kéo ra đánh lấy Quảng Nam, Chúa Nguyễn cùng cháu là Nguyễn Phúc Ánh chạy vào Gia Định, để Đông Cung Nguyễn Phúc Dương ở lại Quảng Nam chống giữ với giặc.

Khi các chúa Nguyễn bị quân Tây Sơn bắt, Nguyễn Phúc Ánh (còn gọi là Nguyễn Ánh) mới có 17 tuổi, được các tướng tôn làm Đại Nguyên Súy, Nhiếp Quốc Chính chiếm lại thành Sài Gòn.

Theo tích Gia Long tẩu quốc trong ngót 15 năm, từ 1774 đến 1789, Nguyễn Ánh bị Tây Sơn đánh đuổi, chạy gần khắp nơi, khi thì về nương náu vùng Sài Gòn, khi chạy trốn ở khắp miền Cà Mau (Đông Xuyên), khi lại chạy ẩn trốn ở đảo Phú Quốc.[3]

Năm Canh Tý (1780), Nguyễn Phúc Ánh xưng vương bị quân Tây Sơn đánh bại, vua nhiều lần thua trận phải chạy trốn ra đảo Phú Quốc. Năm quý mão (1783) vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc sai Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ đem binh vào đánh, Nguyễn Ánh chạy ra Phú Quốc rồi sang Vọng Các xin binh cứu viện.

Năm Ất Ty (1785) Nguyễn Huệ đánh bại quân Xiêm tại Rạch Gầm-Xoài Mút. Nguyễn Ánh đào tẩu rồi cho Pigneau de Béhaine (Bá Đa Lộc) đưa con là Hoàng tử Cảnh sang Pháp cầu viện.

Năm 1788, Nguyễn Huệ bận chiến tranh với quân Thanh ở phương bắc, Nguyễn Ánh chiếm lại thành Gia Định, chúa Nguyễn thấy lũy đất tuy vững chắc và rộng lớn nhưng vẫn chưa đủ sức để bảo vệ Gia Định nên giao cho Trần Văn Học và các kiến trúc sư người Pháp như Olivier de Puymanel, J.M.Dayot, Le Brun xây một thành trì phòng thủ theo kiểu Pháp.

Năm Canh Tuất (1790), Nguyễn Ánh đã chọn Sài Gòn làm kinh đô gọi là Gia Định kinh và cho xây thành Gia Định. Nguyễn Ánh cho sửa quân chế, định quan chế, nêu phép cấm, chính triều nghi.

Thiết kế của thành do hai sĩ quan Pháp là Olivier de Puymanel, Le Brun. Le Brun vẽ bản đồ Gia Định kinh với thành bát quái còn gọi là bản đồ Sài Gòn năm 1795.

Võ tướng Trần Văn Học đảm nhiệm việc phác họa đường sá và phân khu phố phường đường trong thành. Ông Học đã vẽ một bản đồ năm 1815 bao gồm phố Bến Nghé (Quận 1) và phố Sài Gòn (Quận 5) làm tiêu chuẩn cho việc đô thị hoá thành phố Sài Gòn sau này.

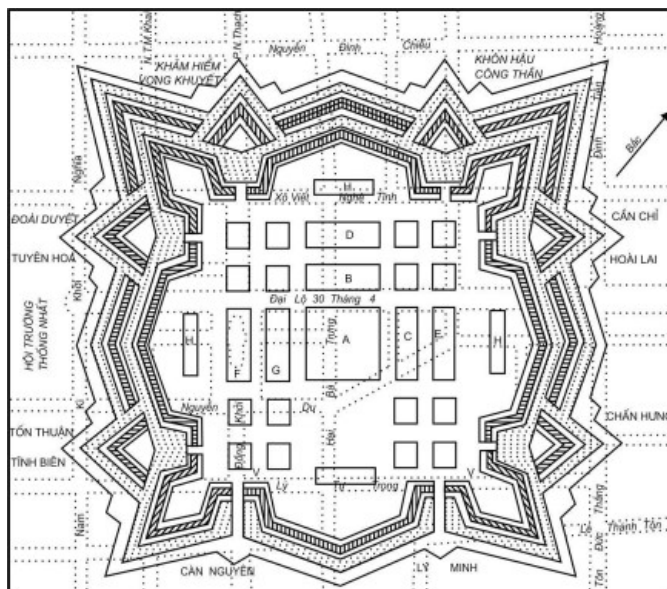
Gia Định kinh tồn tại 11 năm, đến năm 1801, sau khi lên ngôi, vua Gia Long đã dời đô về Phú Xuân (Huế).

Việc Nguyễn Ánh cho xây dựng thành Gia Định ở thôn Tân Khai (còn gọi là thành Bát Quái, thành Quy). Đại Nam thực lục chép như sau:

Ngày Kỷ Sửu (Tháng 3, Canh tuất, năm thứ 11 [1790], đắp thành đất Gia Định. Vua thấy thành cũ ở thôn Tân Khai chật hẹp, bèn mở rộng thêm. Dụ rằng: "Vương công giữ nước, tất phải đặt nơi hiểm yếu trước. Nay đất Gia Định mới thu phục, cần phải sửa thành trì cho bền vững để chỗ ở được vững mạnh". Bấy giờ mới huy động quân dân để khởi đắp, hẹn trong mười ngày đắp xong. Thành đắp theo kiểu bát quái, mở tám cửa, ở giữa là cung điện, bên tả dựng nhà Thái miếu, phía sau miếu là kho tàng, bên hữu đặt cục Chế tạo, chung quanh là nhà tranh cho quân túc vệ ở. Giữa sân dựng kỳ đài ba tầng, trên là tòa vọng đẩu bát giác, ban ngày kéo cờ, ban đêm thì kéo đèn làm hiệu cho các quân. Thành xong, gọi tên là kinh thành Gia Định. Thường cho dân quân hơn 7000 quan tiền". Gọi tên là thành Bát Quái vì thành có 8 cửa.

"Tám cửa thành đều xây bằng đá ong, phía nam là cửa Càn Nguyên và cửa Ly Minh, phía bắc là cửa Khôn Hậu và cửa Khảm Hiểm (Đại Nam nhất thống chí ghi là

cửa Địa Hiểm), phía đông là cửa Chấn Hanh và cửa Cấn Chi, phía tây là cửa Tốn Thuận và cửa Đoài Nguyệt (Đại Nam nhất thống chí ghi Đoài Duyệt). Ngang dọc có tám đường, đông sang tây dài 131 trượng 2 thước, nam sang bắc cũng thế, cao 13 thước, chân dày 7 trượng 5 thước. Phía ngoài thành là hào, hào rộng 10 trượng 5 thước, sâu 14 thước có cầu treo bắc ngang. Chu vi ngoài thành là 794 trượng. Ở ngoài là đường phố chợ búa, dọc ngang la liệt đều có thứ tự, hai bên đường quan đều trồng cây thích nghi, gọi là đường thiên lý".[4]



Thành Bát Quái (thành Quy)

Theo Pétrus ký mô tả : Trước khi có thành, ở đất Gia Định chỉ có đồn Dinh, lũy Hoa Phong, sau có lũy Bán Bích. Thành này được gọi là thành Quy, xây theo kiểu thành Vauban của Pháp. Tường thành cao 5m20. Trung tâm thành là cột cờ và hành cung, ở vị trí gần nơi ngày nay là nhà thờ đức bà...[5]

Nguyễn Ánh huy động hơn 3 vạn dân phu và dùng đá ong Biên Hòa để xây thành xây theo kiểu thành Vauban do kỹ sư công binh Puymanel thiết kế và xây dựng. Thành có chu vi 3,8km, tọa lạc trên một diện tích khoảng 65 héc ta giữa 4 con đường hiện nay là Lê Thánh Tôn, Nguyễn Đình Chiểu, Tôn Đức Thắng nối với Đinh Tiên Hoàng và Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

Thành Vauban là những pháo đài quân sự phòng vệ thường xây ở các duyên hải bên Pháp thời vua Louis XIV chống xâm lăng của các tàu chiến .

Thành xây theo hướng phong thủy Á đông hướng về Đông Bắc ,và mỹ thuật người Việt. Ở giữa là cung điện, bên tả dựng nhà Thái Miếu, phía sau miếu là kho tàng, bên hữu đặt xưởng chế tạo, chung quanh là nhà tranh cho quân túc vệ ở. Chính giữa dựng kỳ đài ba tầng, trên làm tòa vọng đẩu bát giác, ban ngày kéo cờ, ban đêm thì kéo đèn làm hiệu lệnh cho các quân. Ở giữa mặt đông bắc của tòa thành và rạch Thị Nghè, cách bờ dốc hai trăm mét, là ngôi nhà của Giám mục Adran ở trung tâm xưa kia là xóm đạo Thị Nghè.

Thành được xây rất kiên cố với 3 lớp phòng vệ: lớp trong cùng là tường xây bằng đá cao 6,3 m, chân tường dày 36,5 m; lớp giữa là hào rộng với bề ngang 76 m, sâu 6,8 m có nhiều cầu bắc qua và lớp ngoài là lũy bằng đất với chu vi gần 4.000 m.

Thành Gia Định được phòng thủ bởi hai đồn lớn án ngữ cửa sông Sài Gòn gọi là đồn Cá Trê (Giác Ngư) nằm bên trái của Thủ Thiêm hiện nay và đồn Thảo Câu nằm bên phải khu vực Cảng Sài Gòn hiện nay. Cả hai dấu tích này đều đã bị phá hủy bởi đô thị ngày nay. Các lũy bảo vệ thành Gia Định trên bờ sông Bên Nghé xưa gồm Lảo cầm và Bán Bích. Lảo Cầm cổ lũy ở địa phận thôn Đức Hòa, huyện Bình Dương (quận 10) dài 10.447 m, nằm đối diện với lũy Hoa Phong và lũy Lảo cầm, nên gọi là Giao Ba. Còn Bán Bích cổ lũy ở địa phận hai huyện Bình Dương và Tân Long (quận 11, quận 10, quận 3), dài 3.672 m; hình dáng tựa như nửa tấm vách, ở đây còn có lũy đất dài 5.610 m, đã được Nguyễn Cửu Đàm đắp trên nền các cổ lũy Lảo cầm và Ba Giao vào năm 1772

Nguyễn Ánh chiếm lại kinh thành Phú Xuân năm 1802 rồi lên ngôi và lấy đế hiệu Gia Long. Gia Định kinh đổi làm Gia Định trấn thành. Cải tên phủ Gia Định làm trấn Gia Định và đặt trấn quan để cai quản năm trấn : Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, Hà Tiên.

Gia Định thành thay cho Gia Định trấn. Gia Định thành là đơn vị hành chính lớn cai quản cả xứ Nam gồm 5 trấn. Tả quân Lê Văn Duyệt làm tổng trấn Gia Định thành, và ở Hoàng cung, nay ở vị trí đường Norodom (Lê Duẩn), phía ngoài thành Gia Định. Khi làm Tổng trấn Gia Định thành, năm 1830 Tả quân Lê Văn Duyệt đã cho xây thành Bát Quái cao thêm một thước rưỡi và dùng toàn đá ong, càng kiên cố. Vì việc sửa thành, cộng với hiềm khích trước đó, vua Minh Mạng đã khép tội Lê Văn Duyệt và cho san bằng mồ mả ông sau khi mất.

Năm 1835 ,sau khi dẹp được sự nổi loạn của Lê Văn Khôi là con nuôi của tả quân, Tháng 7 năm 1835, sau khi dẹp xong loạn Lê Văn Khôi, vua Minh Mạng ra lệnh xử chém 1831 nam phụ lão ấu, chôn tập thể ở đồng tập trận gọi là mả ngục (Quận 3 nay), và cho triệt phá thành Phiên An. Vua dụ cho Bộ Công rằng:

“Thành Phiên An trước, kiểu mẫu hơi quá cao rộng. Đó thực là bởi Lê Văn Duyệt tiếm lạm, vượt bậc, để đến gây thành tai vạ về sau. Nay nghịch tặc đã yên, đáng nên sửa lại. Ngặt vì mới lấy lại được, quân sĩ vừa được vui mừng nghỉ vai, chưa nên vội dùng đến sức họ. Vậy sai dụ quan tỉnh Gia Định liệu thuê dân chúng trong hạt, trước hãy san phẳng những chỗ núi đất, lũy đất ở ngoài thành; còn thân thành và trong thành không sửa chữa vội, luống phí nhân công”. Sau đó, quan tỉnh xin thuê 3.000 dân trong hạt, và dân 2 tỉnh Vĩnh Long, Định Tường mỗi tỉnh 1.000 người, dỡ gạch, đá, san hào, lũy. Vua y cho [4] và cho xây thành mới nhỏ hơn, gọi là thành Phụng hay thành Gia Định được xây dựng ở Đông Bắc thành cũ.

Tổng Đốc Tĩnh Biên và Tổng Đốc Long Trường điều khiển việc xây thành Gia Định mới theo kiểu thành Vauban nhưng nhỏ hơn, không kiên cố bằng thành cũ và chỉ có bốn pháo đài bốn góc so với tám pháo đài của thành Bát Quái cũ. Tường thành

cao 20 m dài trên 475 m được làm bằng đá xanh granite, gạch và đất. Xung quanh thành có hào nước bao bọc. Theo *Đại Nam nhất thống chí*, thành Gia Định mới chu vi khoảng 1.960m (thành cũ 4.000m), diện tích so với thành cũ chỉ bằng 1/4, cũng được xây bằng đá ong Biên Hòa và theo mẫu kiến trúc Vauban nhưng nhỏ, dễ bị bắn phá hơn vì chỉ có 4 pháo đài. Thành nhỏ, đơn giản nên chỉ cần 10.000 dân phu xây trong hai tháng đã xong.[6]

Thành này chỉ tồn tại từ 1836 đến 1859 khi quân Pháp tấn công Sài Gòn. Ngày nay, vị trí của thành Phụng nằm trong bốn con đường: Nguyễn Du là mặt tiền; Nguyễn Đình Chiểu mặt hậu; Nguyễn Bình Khiêm mặt tả; Mạc Đĩnh Chi mặt hữu.

Ngay sau khi chiếm được thành Gia Định vào năm 1859, quân Pháp đốt cháy kho tàng, phá hủy thành Gia Định và rút ra để tránh quân triều đình nhà Nguyễn tấn công đánh chiếm lại thành. Dấu tích duy nhất còn lại đến ngày nay là bức tranh vẽ ảnh thực dân Pháp tấn công thành và những tàn tích dọc đường Đinh Tiên Hoàng về phía gần xưởng Ba Son, sân vận động ở đường này còn được gọi là sân Hào thành.

Các dấu tích của thành Bát quái tìm được khi đô thị hóa thành phố Sài Gòn như: Năm 1877, khi đào móng xây Vương cung Thánh đường, người ta đã thu nhặt được gạch đá, gỗ, tiền kẽm, súng đạn... Năm 1926, khi đào móng xây đường Catinat, đã phát hiện nhiều đá ong Biên Hòa ở góc đường Đồng Khởi-Lý Tự Trọng ngày nay. Năm 1936, phát hiện nhiều di vật của phế thành ở phạm vi Bệnh viện Đồn Đất và góc đường Lý Tự Trọng -Chu Mạnh Trinh .[3]

Tên gọi Sài Gòn xưa chỉ là khu vực Chợ Lớn (nay là Quận 5 . Phố Sài Gòn ở phía Nam trấn thực, cách đường Cái Quan (Nguyễn Trãi ngày nay) khoảng 18km. Sau khi Pháp chiếm thành Gia Định vào năm 1859 rồi đổi tên Phố trụ Sài Gòn và Phố thị Bến Thành là thành phố Saigon. Thành Gia Định (Thành Phụng) cũng được người Pháp gọi là thành Saigon.

Ngày 11-4-1861, đô đốc Charner ký nghị định xác định địa giới thành phố Sài Gòn gồm phía đông là sông Sài Gòn, phía bắc là rạch Thị Nghè, phía nam là rạch Bến Nghé, phía tây từ chùa Cây Mai đến đồn Kỳ Hòa, diện tích khoảng 25km² theo địa giới quy hoạch của Nguyễn Cửu Đàm năm 1772. Năm 1862, sĩ quan Pháp là Coffyn lập một dự án quy hoạch mang tên ông là dự án “Thành phố Sài Gòn với 500.000 dân” tức khoảng 20.000 dân/km²

Người Pháp đã quy hoạch lại Sài Gòn thành một đô thị lớn phục vụ mục đích khai thác thuộc địa. Theo thiết kế ban đầu, Sài Gòn bao gồm cả khu vực Chợ Lớn. Nhưng đến 1864, nhận thấy diện tích dự kiến của thành phố quá rộng, khó bảo đảm về an ninh, chính quyền Pháp quyết định tách Chợ Lớn khỏi Sài Gòn. Các cơ sở quan trọng của thành phố, như Dinh Thống đốc Nam Kỳ, Dinh Toàn quyền, được thực hiện. Sau hai năm xây dựng, hình dáng Sài Gòn xưa hoàn toàn thay đổi và trở thành một thành phố kiểu Âu châu, nơi đây có văn phòng nhiều trụ sở như: dinh thống đốc, nha giám đốc nội vụ, tòa án, tòa giám mục... Nam Kỳ và Sài Gòn có quy chế thuộc địa của Pháp.

Đầu thập niên 1860, nhiều con đường lớn bắt đầu xuất hiện và từ năm 1864, nhiều kiến trúc kiên cố dựng lên như dinh thượng thư (Direction de l'Intérieur - 1864), Dinh Thống đốc (Palais du Gouverneur -1868), Nhà thờ lớn (1877)... Đến năm 1865, Sài Gòn đã có hơn 15000 km đường lộ, hai bên đường đều có trồng cây, thường là me, bàng hay tETCH. Ban đêm, các con đường được thắp sáng bằng đèn dầu dừa. Vào năm 1861, địa phận Sài Gòn được giới hạn bởi một bên là rạch Thị Nghè và rạch Bến Nghé với một bên là sông Sài Gòn cùng con đường nối liền chùa Cây Mai với những phòng tuyến cũ của đồn Kỳ Hòa. Đến năm 1867, việc quản lý Sài Gòn được giao cho Ủy ban thành phố gồm 1 ủy viên và 12 hội viên.

Cho tới khoảng năm 1870, thành phố Sài Gòn vẫn nằm trong địa hạt hành chính tỉnh Gia Định. Ngày 15 tháng 3 năm 1874, Tổng thống Pháp Jules Grévy ký sắc lệnh thành lập thành phố Sài Gòn. Thành phố không ngừng phát triển và tân tiến như thành phố Âu châu và được mệnh danh là *Hòn Ngọc Viễn Đông*.

Sau hiệp định Genève năm 1954, quân đội Pháp rút khỏi miền Nam, tướng Ely trao dinh Norodom lại cho Thủ Tướng Ngô Đình Diệm cải tên là dinh Độc Lập. Sài Gòn trở thành thủ đô của Việt Nam Cộng hòa.

Tham khảo:

[1]-Lê Quý Đôn, Phủ Biên Tạp Lục,Nxb Văn hóa Thông tin-

[2]-Trịnh Hoài Đức ,Gia Định thành thông chí, Nguyễn Tạo dịch.Nxb nha văn hóa, 1972

[3]-Vương Hồng Sển, Sài Gòn năm xưa,Nxb Xuân Thu

[4]- Đại Nam thực lục,Quốc sử quán triều Nguyễn,Nhà Xuất Bản Giáo Dục

[5]-Pétru Trương Vĩnh Ký, Souvenirs historiques sur Saïgon et ses environs,Nxb Impr. Coloniale , 1885.

[6]-Đại Nam nhất thống chí,Quốc sử quán triều Nguyễn,Nxb Thuận Hóa,2006